| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KẾ SÁCH**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 52/2020/DS-ST
Ngày: 29-7-2020
V/v tranh chấp "Hợp đồng thuê tài sản và Bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Hải Duy

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Xươnne

2. Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà:*** Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp: "Hợp đồng thuê tài sản và Bồi thường thiệt hại về tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*

Anh Huỳnh Văn Hoàng E (Huỳnh Văn P), sinh năm 1971.

Địa chỉ: số xxx, ấp M, xã Nhuyện K, tỉnh S.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Hoàng E (theo giấy ủy quyền ngày 13/01/2020):

Ông Lý Bình Đ, sinh năm 1977.

Đại chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh S.

*2. Bị đơn:*

Ông Nguyễn Phú T, sinh năm 1967.

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã N, huyện K, tỉnh S.

(Các đương sự cùng có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2020, các lời khai có trong hồ sơ vụ án của nguyên đơn Huỳnh Văn Hoàng E (Huỳnh Văn P), người địa diện theo ủy quyền của anh Hoàng E là ông Lý Bình Đẳng trình bày:**

Vào ngày 29/11/2016 âl, giữa anh Hoàng E và vợ chồng ông Nguyễn Phú T, Nguyễn Thị L có ký Hợp đồng cho thuê phần đất diện tích 8.900m$^2$, tọa lạc tại ấp An Phú Đông, xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng do ông T và bà L đứng tên quyền sử dụng đất, thời hạn thuê là 40 tháng tính từ ngày 29/11/2016 âm lịch đến ngày 29/3/2020 âm lịch với số tiền là 80.000.000 đồng, tương đương 2.000.000 đồng/tháng. anh Hoàng E đã thanh toán xong cho ông Nguyễn Phú T và bà Nguyễn Thị L 80.000.000 đồng tiền thuê đất.

Việc thuê đất và giao nhận tiền giữa các bên đều có lập giấy tờ ký tên xác nhận để làm tin.

Tuy nhiên, anh Hoàng E canh tác được 30 tháng thì đến tháng 5 năm 2019 âm lịch ông T vào vườn đốn 04 cây măng cụt lớn khoảng 40 năm tuổi, 03 cây măng cụt nhỏ khoảng 15 năm tuổi đang cho trái, 06 cây vú sửa khoảng 15 năm tuổi đang ra hoa và 01 cây dừa khoảng 20 năm tuổi, gây thiệt hại đến thu nhập của anh Hoàng E, đồng thời từ đó cho đến nay anh Hoàng E cũng không còn canh tác trên phần đất đã thuê của ông T, bà L nữa do các bên phát sinh tranh chấp. Đồng thời, tính đến thời điểm hiện nay, hợp đồng thuê đất giữa các bên cũng đã hết hạn.

Việc anh Hoàng E không canh tác trên phần đất đã thuê của ông T và bà L do tự thực hiện, ông T, bà L và không ai ngăn cản hay hăm dọa.

Nay anh Hoàng E yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách buộc ông Nguyễn Phú T và bà Nguyễn Thị L phải trả lại số tiền của 10 tháng thuê đất x 2.000.000 đồng/tháng là 20.000.000 đồng.

Và anh Hoàng E yêu cầu vợ chồng ông T và bà L phải bồi thường thiệt hại giá trị về huê lợi thu nhập có được từ đốn 04 cây măng cụt lớn khoảng 40 năm tuổi, 03 cây măng cụt nhỏ khoảng 15 năm tuổi đang cho trái, 06 cây vú sửa khoảng 15 năm tuổi đang ra hoa và 01 cây dừa khoảng 20 năm tuổi với số tiền là 21.800.000 đồng.

Do trước đây, anh Hoàng E đã khởi kiện vợ chồng ông T và bà L tại Tòa án nhân dân huyện Kế Sách nhưng đã rút đơn khởi kiện do tình nghĩa hàng xóm. Trong lần giải quyết trước đây, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã tiến hành xem xét thẩm định tại chổ và Định giá các cây trồng mà ông T đã tự ý đốn theo Biên bản định giá tài sản, Biên bản về việc xem xét thẩm định tại chổ ngày 24/9/2019. Nay anh Hoàng E không có yêu cầu định giá hay thẩm định lại mà đề nghị Tòa án căn cứ vào kết quả và số liệu theo Biên bản định giá tài sản, Biên bản về việc xem xét thẩm định tại chổ ngày 24/9/2019 để giải quyết vụ kiện. Anh Hoàng E cam kết không khiếu nại gì.

Khi anh Hoàng E thuê đất của ông T và bà L thì trên đất đã có cây trồng sẵn, do ông T, bà L trồng, anh Hoàng E chỉ thuê đất và xử lý cây trồng có sẵn để hương huê lợi.

Riêng số tiền 50.000.000 đồng mà anh Hoàng E nhận của ông Nguyễn Phú T thì đây là tiền Nhà nước bồi thường thiệt hại cây trồng do nằm trong hành lang điện cao thế. Đối với số tiền này, xem như xong, không trả lại cho ông T, không tranh chấp và cũng không có yêu cầu gì.

Tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của anh Hoàng E là ông Lý Bình Đcó ý kiến xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung như sau: Anh Hoàng E không yêu cầu ông Nguyễn Phú T và bà Nguyễn Thị L phải trả lại số tiền của 10 tháng thuê đất x 2.000.000 đồng/tháng là 20.000.000 đồng nữa, với lý do: anh Hoàng E nghĩ tình làng nghĩa xóm nên rút yêu cầu, nếu sau này có tranh chấp thì sẽ khởi kiện sau.

Nay anh Hoàng E yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Phú T và bà Nguyễn Thị L cùng chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại giá trị về huê lợi thu nhập có được từ đốn 04 cây măng cụt lớn khoảng 40 năm tuổi, 03 cây măng cụt nhỏ khoảng 15 năm tuổi đang cho trái, 06 cây vú sửa khoảng 15 năm tuổi đang ra hoa và 01 cây dừa khoảng 20 năm tuổi với số tiền là 21.800.000 đồng.

**Theo tờ tường trình ngày 12/6/2020 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Phú T trình bày:**

Ông Nguyễn Phú T thừa nhận, ông và vợ là bà Nguyễn Thị L có cho anh Huỳnh Văn Hoàng E (Huỳnh Văn P) thuê 01 phần đất diện tích 8.900m$^2$, tọa lạc tại ấp A, xã N, huyện K, tỉnh S do ông và bà Nguyễn Thị L đứng tên quyền sử dụng đất, thời hạn thuê là 40 tháng tính từ ngày 29/11/2016 âm lịch đến ngày 29/3/2020 âm lịch với số tiền là 80.000.000 đồng, tương đương 2.000.000 đồng/tháng. Anh Hoàng E (Phúc) đã thanh toán xong 80.000.000 đồng tiền thuê đất.

Việc thuê đất và giao nhận tiền giữa các bên đều có lập giấy tờ ký tên xác nhận để làm tin.

Trong quá trình anh Hoàng E (Phúc) canh tác trên phần đất đã thuê của vợ chồng ông, do anh Hoàng E (Phúc) sử dụng hóa chất vượt quá liều lượng dẫn đến

130 cây Nhãn,10 cây cao, khoảng 10 cây vú sữa bị hư chết và 06 cây măng cụt bị suy lá, suy kiệt. Việc ông T đón bỏ 130 cây Nhãn, cây vú sữa và 06 cây măng cụt là do anh Hoàng E kêu ông thực hiện.

Đối với việc anh Hoàng E sử dụng hóa chất như ông T trình bày nêu trên thì ông không có ý kiến hay yêu cầu bồi thường gì, ông T chỉ trình bày cho Tòa án biết.

Toàn bộ cây trồng có trên phần đất cho anh Hoàng E (Phúc) thuê là do vợ chồng ông T trồng từ trước, anh Hoàng E (Phúc) không có trồng thêm cây gì.

Nay anh Hoàng E yêu cầu ông và vợ là Nguyễn Thị L hoàn trả lại số tiền của 10 tháng thuê đất x 2.000.000 đồng/tháng là 20.000.000 đồng thì ông và bà L không đồng ý. Vì thực tế, sau khi ông T đốn bỏ những cây trồng nêu trên thì vợ chồng ông T, bà L không có ngăn cản anh Hoàng E (Phúc) tiếp tục canh tác trên phần đất đã thuê. Anh Hoàng E tự ý ngưng canh tác từ thời điểm nào thì ông không biết và không phải do lỗi của vợ chồng ông T gây ra.

Đối với yêu cầu của anh Hoàng E đòi vợ chồng ông T, bà L bồi thường thiệt hại về huê lợi cây trồng với số tiền là 21.400.000 đồng thì ông và bà L không đồng ý bồi thường, vì những cây này đã già lão và bị hư hại, không có cho năng suất hay huê lợi gì.

Ngoài ra, khi Nhà nước có bồi thường thiệt hại về cây trồng do nằm dưới hành lang an toàn đường điện cho ông T với số tiền khoảng 100.000.000 đồng, ông T đã đưa cho Hoàng E (P) 50.000.000 đồng. Đối với số tiền này, ông Nguyễn Phú T và bà Nguyễn Thị L không có tranh chấp hay yêu cầu gì, xem như xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Ông T và bà Nguyễn Thị L không thống nhất theo giá cây trồng do Hội đồng định giá xác định theo Biên bản định giá tài sản ngày 24/9/2019 do 06 cây Vú sữa, 07 cây Măng cụt và 01 cây Dừa đều bị chết, bị hư, không có giá trị về kinh tế. Tuy nhiên, số lượng cây trồng và nội dung theo Biên bản về việc xem xét thẩm định tại chổ ngày 24/9/2019 của Tòa án thì thống nhất

Ông Nguyễn Phú T và bà Nguyễn Thị L không yêu cầu định giá hay thẩm định lại. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật mà giải quyết để bảo đảm quyền lợi của vợ chồng ông.

**Theo tờ tường trình ngày 12/6/2020 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:**

Bà L thống nhất theo lời trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Văn Thuận, không có ý kiến bổ sung gì.

Bà L không thống nhất theo giá cây trồng do Hội đồng định giá xác định theo Biên bản định giá tài sản ngày 24/9/2019 do 06 cây Vú sữa, 07 cây Măng cụt

và 01 cây Dừa đều bị chết, bị hư, không có giá trị về kinh tế. Tuy nhiên, số lượng cây trồng và nội dung theo Biên bản về việc xem xét thẩm định tại chổ ngày 24/9/2019 của Tòa án thì bà L thống nhất.

Bà L không yêu cầu định giá hay thẩm định lại. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật mà giải quyết để bảo đảm quyền lợi của vợ chồng bà.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đối với yêu cầu của anh Hoàng E đòi ông T và bà L trả 10 tháng tiền thuê đất lại với số tiền là 20.000.000, do tại phiên Tòa, đại diện theo ủy quyền của anh Hoàng E xin tút yêu cầu nà nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút.

Riêng yêu cầu của anh Hoàng E đòi bồi thường thiệt hại về huê lợi cây trồng của 06 cây Vú sữa, 07 cây Măng cụt và 01 cây Dừa. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, ông T và bà L đều thừa nhận có đốn bỏ 06 cây Vú sữa, 07 cây Măng cụt và 01 cây Dừa. Mặc dù, ông T cho rằng việc đốn bỏ những cây trồng nêu trên là có sự đồng ý của anh Hoàng E, nhưng phía anh Hoàng E không thừa nhận nên không có cơ sở để chứng minh lời khai của ông T là có căn cứ. Mặc khác, ông Phùng Văn Ba (là người trực tiếp đốn cây) cũng xác định không biết anh Hoàng E là ai. Do ông T tự ý đốn cây trên phần đất mà anh Hoàng E thuê canh tác trong hạn hợp đồng nên ông T và bà L phải cùng chụi trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Hoàng E theo quy định tại Điều 419 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ và chính đáng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí, chi phí tố tụng: đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

### [1] Về việc rút một phần và bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên Tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần khởi kiện đối với ông Nguyễn Phú T và bà Nguyễn Thị L về việc phải trả lại số tiền của 10 tháng thuê đất x 2.000.000 đồng/tháng là 20.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không ai ép buộc nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện mà ông Hoàng Em đã trình bày và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

**[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và các bị đơn đều thừa nhận các vấn đề sau:**

+ Các bị đơn có cho nguyên đơn thuê 01 phần đất vườn với thời hạn 40 tháng x 2.000.000 đồng/tháng = 80.000.000 đồng và các bị đơn đã nhận tiền thuê xong.

+ Bị đơn là ông Nguyễn Phú T thừa nhận có hành vi đốn bỏ những cây trồng sau: 04 cây măng cụt, 03 cây măng cụt nhỏ, 06 cây vú sửa và 01 cây dừa.

+ Bên cạnh đó, bị đơn T còn thừa nhận đã đốn khoảng 130 cây nhãn.

Xét thấy, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

**[3] Về thu thập chứng cứ và đánh giá lời trình bày của nguyên đơn và các bị đơn**:

Do nguyên đơn và các bị đơn đều không có yêu cầu định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chổ đối với tài sản đang tranh chấp mà cùng có ý kiến thống nhất số lượng cây trồng bị đốn bỏ theo Biên bản xem xét, thẩm định ngày 24/9/2019 mà Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã thu thập trong vụ án dân sự sơ thẩm 177/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp: "Hợp đồng thuê tài sản" cũng giữa các đương sự này. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào nội dung, kết quả và số lượng, chủng loại cụ thể từng cây trồng để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Theo lời khai của bị đơn T cho rằng việc đốn bỏ 06 cây Vú sữa, 07 cây Măng cụt và 01 cây Dừa là do cây bị hư, lão hóa, gần chết. Xét thấy, tại Biên bản định giá tài sản ngày 24/9/2019 của Hội đồng định giá xác định, các cây trồng do bị đơn T đốn bỏ đều thuộc loại A và loại B. Tại điểm b, khoản 1, Điều 3, Quyết định số 16/2019/QĐ-UB ngày 02/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định về mật độ, định mức, đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, vật nuôi là thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng xác định: "…cây loại A, loại B là cây trồng đang xanh tốt, đang sinh trưởng và đang cho trái….". Như vậy, việc các bị đơn cho rằng những cây vú sữa, măng cụt và cây dừa bị đốn là do bị hư, lão hóa, gần chết là không có căn cứ và không đúng sự thật.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách có thể hiện, trừ cây vú sữa số 6 là phần gốc cây đến mép ngoài đường dây điện gần nhất (theo chiều thẳng đứng chiếu từ trên xuống dưới) là 06 m thì toàn bộ những cây trồng còn lại, đều cách từ 09m đến 25m. Xét thấy, tại điểm c, khoản 1, Điều 12, Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện có quy định: "….Đối với đường dây ngoài thành phố, thị xã, thị trấn thì khoảng cách từ điểm cao nhất của cây theo

chiều thẳng đứng đến độ cao của dây dẫn thấp nhất khi đang ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn 4,0 m đối với đường dây 220kV và 6,0m đối với đường dây 550kV…". Do các cây trồng nêu trên đã bị đốn bỏ, không có căn cứ chính xác để xác định chiều cao thực tế của từng cây và các đương sự cũng không xác định được nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét việc 06 cây Vú sữa, 07 cây Măng cụt và 01 cây Dừa có vi phạm hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện như lời các bị đơn trình bày hay không.

Đối với lời khai của các bị đơn cho rằng có sự đồng ý của nguyên đơn khi bị đơn T đốn bỏ 04 cây măng cụt, 03 cây măng cụt nhỏ, 06 cây vú sửa và 01 cây dừa. Xét thấy, theo lời khai của ông Phùng Văn Ba (là người thực hiện việc đốn cây - búc lục 31) xác định: "…Khi tôi tiến hành cưa cây thì tôi có nghe ông T nói là có mặt anh Huỳnh Văn Hoàng Em (người thuê đất vườn của ông T), nhưng do tôi không biết mặt và cũng không quen biết nên tôi cũng không chú ý….", như vậy, không có cơ sở và chứng cứ vững chắc khẳng định nguyên đơn có mặt và có ý kiến đồng ý để bị đơn T kêu người đốn cây như lời bị đơn T đã khai. Tại khoản 1 và khoản 4, Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 có quy định: "...Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp....." và " Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc...". Do nghĩa vụ chứng minh là của các bị đơn, đồng thời các bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chính xác để chứng minh việc đốn cây có sự đồng ý của nguyên đơn, đồng thời, nguyên đơn cũng có ý kiến không thừa nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định, việc các bị đơn cho rằng nguyên đơn có ý kiến đồng ý khi bị đơn T đốn bỏ một số cây trồng là không có cơ sở đáng tin và không đúng sự thật.

**[4] Về lỗi của nguyên đơn và các bị đơn:**

Theo Hợp đồng cho mướn vườn do nguyên đơn và và các bị đơn xác lập có thoả thuận: "....ông P (H) được quyền canh tác và huê lợi toàn bộ trên mặt đất trong thời gian hợp đồng..." và ".... thời hạn thuê từ ngày 29/11/2016 đến ngày 29/3/2020 (âm lịch)...", như vậy giữa nguyên đơn và các bị đơn đã xác lập quyền hưởng dụng đối với tài sản theo quy định tại các Điều 257, Điều 258; Điều 259 và Điều 260 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và đã làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của người hưởng dụng và của người chủ sở hữu tài sản theo quy định tại Điều 261, Điều 262, Điều 263 và Điều 264 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì vậy, nguyên đơn có quyền hưởng huê lợi, lợi tức đối với những cây trồng có trên phần đất đã thuê là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét thấy, bị đơn T là người đã có hành vi trực tiếp đốn bỏ những cây trồng có trên phần đất 8.900m$^2$ mà các bị đơn cho nguyên đơn thuê, việc đốn bỏ cây không

được nguyên đơn chấp nhận. Tại Điều 263 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu tài sản, khoản 1 có quy định: "… Định đoạt tài sản nhưng không được làm thay đổi quyền hưởng dụng đã được xác lập" và khoản 3 Điều này cũng quy định: "…Không được cản trở, thực hiện hành vi khác gây khó khăn hoặc xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người hưởng dụng". Như vậy, việc bị đơn T tự ý đốn bỏ một số cây trồng đã gây thiệt hại đến quyền, lợi ích của nguyên đơn được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, các bị đơn phải chịu lỗi với hành vi của mình và phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn tương xứng với mức độ lỗi đã gây ra. Cho nên, Hội đồng xét xử xác định, các bị đơn có lỗi hoàn toàn trong việc tự ý đốn bỏ 07 cây măng cụt, 06 cây vú sửa và 01 cây dừa, đồng thời nguyên đơn không có lỗi trong vụ việc đốn cây này.

Như đã nhận định trên, các bị đơn phải chịu lỗi hoàn toàn trong việc gây ảnh hưởng đến quyền sử dụng tài sản thuê, quyền hưởng dụng và quyền hưởng huê lợi, lợi tức của nguyên đơn trong khoảng thời gian hợp đồng thuê cho mướn vườn do các bên xác lập vẫn còn thời hạn và hiệu lực.

**[4] Về xác định giá trị huê lợi của 04 cây măng cụt, 03 cây măng cụt nhỏ khoảng, 06 cây vú sửa và 01 cây dừa:**

Theo Công văn số 274/NNPTNT ngày 04/11/2019 của Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Kế Sách có nội dung:

+ "Măng cụt cho trái 01 vụ/năm, có hiện tượng cho trái quanh năm, cho trái khoảng tháng 4 - 5 đến dương lịch ….., cây 07-09 năm tuổi cho thu hoạch khoảng 80kg/cây/năm; Giá bình quân là 40.000 đồng/kg".

+ "Vú sữa cho trái 01 vụ/năm, cho thu hoạch từ tháng 12 đến tháng 3 dương lịch năm sau….., cây 05 năm tuổi cho thu hoạch từ 150kg – 200kg/cây/năm; Giá bình quân thu hoạch rộ là 12.000 đồng/kg".

+ "Dừa cho trái quanh năm, chăm sóc tốt cho 120 trái/năm/cây; Giá bình quân từ 2000 đồng – 4000 đồng/trái".

Do hợp đồng thuê cho mướn vườn giữa nguyên đơn và các bị đơn kết thúc vào ngày 29/3/2020 âm lịch (nhằm ngày 21/4/2020 dương lịch) vì vậy, thời điểm cho trái và thu hoạch vú sữa, măng cụt và dừa đang diễn ra. Như vậy, căn cứ vào số liệu khoa học do cơ quan chuyên môn cung cấp, Hội đồng xét xử xác định năng suất bình quân của từng loại cây trồng để xác định giá trị quy đổi thành tiền mà cây trồng tạo ra được trong chu kỳ sinh trưởng cho trái của 01 năm, cụ thể như sau:

+ (07 cây măng cụt loại B x 80 kg/01cây) x 40.000 đồng/01kg= 22.400.000 đồng.

+ (06 cây vú sữa loại A x 175 kg/01cây) x 12.000 đồng/01kg= 12.600.000 đồng.

+ (01 cây dừa loại A x 120/trái/01 cây) x 2.000 đồng/01 trái= 240.000 đồng.

Nhưng, để tạo ra được giá trị thành tiền nêu trên thì người canh tác phải bỏ ra các chi phí đầu tư và công chăm sóc mới được hưởng thành quả lao động của chính mình. Theo Công văn số 267/CV-PNN ngày 03 tháng 7/2020 có thể hiện nội dung:

+ Chi phí trung bình cho 01 cây măng cụt là 110.000 đồng.

+ Chi phí trung bình cho 01 cây vú sữa khoảng 204.000 đồng.

+ Chi phí trung bình cho 01 cây dừa khoảng 82.000 đồng.

Vì vậy, để tạo ra được giá trị huê lợi của 01 đơn vị cây trồng thì chi phí đầu tư để tạo ra sản phẩm theo nghiên cứu khoa học được Hội đồng xét xử xác định cụ thể như sau:

+ (07 cây măng cụt loại B x 110.000 đồng/01cây) = 770.000 đồng.

+ (06 cây vú sữa loại A x 204.000 đồng/01cây) = 1.224.000 đồng.

+ 01 cây dừa loại A chi phí là 82.000 đồng.

Như vậy, giá trị huê lợi thực tế mà nguyên đơn được thụ hưởng trong thời gian canh tác và thu hoạch đối với 07 cây măng cụt, 06 cây vú sữa và 01 cây dừa được Hội đồng xét xử xác định như sau:

+ Giá trị nguyên đơn được thụ hưởng đối với 07 cây măng cụt được quy đổi thành tiền là: 22.400.00o đồng - 770.000 đồng = **21.630.000 đồng.**

+ Giá trị nguyên đơn được thụ hưởng đối với 06 cây vú sữa được quy đổi thành tiền là: 12.400.00o đồng – 1.224.000 đồng = **11.376.000 đồng.**

+ Giá trị nguyên đơn được thụ hưởng đối với 01 cây dừa được quy đổi thành tiền là: 240.000 đồng – 82.000 đồng = **158.000 đồng.**

**Cộng chung là 33.164.000 đồng.**

**[5] Về yêu cầu của nguyên đơn:**

Tại phiên Tòa, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải bồi thường thiệt hại giá trị về huê lợi thu nhập có được từ 07 cây măng cụt, 06 cây vú sửa và 01 cây dừa với số tiền là 21.800.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Bởi lẽ, như đã nhận định trên, các bị đơn hoàn toàn có lỗi trong việc tự ý đốn bỏ những cây trồng mà đáng lẽ ra, nguyên đơn phải được thụ hưởng huê lợi từ việc thuê mướn vườn của các bị đơn theo hợp đồng đã ký kết. Việc nguyên đơn được thụ hưởng giá trị huê lợi 07 cây măng cụt, 06 cây vú sửa và 01 cây dừa là tất yếu, có quan hệ nhân quả với việc thuê mướn đất để canh tác. Vì vậy, việc không còn 07 cây măng cụt, 06 cây vú sửa và 01 cây dừa dẫn đến thu nhập của nguyên đơn bị thiệt hại. Bên cạnh đó, mức thiệt hại thực tế theo nghiên cứu khoa học do cơ quan chuyên môn cung cấp được Hội đồng xét xử xác định là 33.164.000 đồng, nhiều hơn số tiền 21.800.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu. Vì vậy, các bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn thiệt hại là huê lợi

từ những cây trồng bị đốn bỏ với số tiền 21.800.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 13, Điều 170, Điều 360 và Điều 419 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**[6] Đối với Hợp đồng thuê mướn vườn lập giữa nguyên đơn và các bị đơn.**

Xét thấy, tính đến thời điểm xét xử hợp đồng thuê mướn vườn theo thỏa thuận giữa nguyên đơn và các bị đơn đã hết hạn. Do không có đương sự nào tranh chấp hay có yêu cầu gì nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử đặt ra giải quyết.

**[7] Đối với việc nguyên đơn nhận của các bị đơn 50.000.000 đồng tiền bồi thường.**

Về số tiền 50.000.000 đồng mà nguyên đơn đã nhận của các bị đơn khi được bồi thường thiệt hại cây trồng do nằm trong hành lang điện cao thế. Xét thấy, do nguyên đơn và các bị đơn đều không có yêu cầu hay tranh chấp gì về số tiền này nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phải đặt ra giải quyết. Nếu sau này giữa nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện khác.

**[8] Về án phí DSST:**

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhận và yêu cầu xin rút một phần tại phiên Tòa.

Các bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

**[9] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa**: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 4, Điều 91, khoản 2, Điều 92, khoản 1, khoản 3, Điều 218, khoản 2, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13, Điều 170, Điều 257, Điều 258, Điều 259, Điều 260, Điều 261, Điều 262, Điều 263, Điều 264, Điều 357, Điều 360 và Điều 419 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 12, Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 3, Quyết định số 16/2019/QĐ-UB ngày 02/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Xử:

**[1] Chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Văn Hoàng E (Huỳnh Văn P). Buộc ông Nguyễn Phú T và bà Nguyễn Thị L phải cùng chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại giá trị huê lợi của 07 cây măng cụt, 06 cây vú sữa và 01 cây dừa cho anh Huỳnh Văn Hoàng E (Huỳnh Văn P) với số tiền là 21.800.000 đồng (hai mươi mốt triệu tám trăm ngàn đồng).**

**[2] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Huỳnh Văn Hoàng E (Huỳnh Văn P) về việc đòi ông Nguyễn Phú T và bà Nguyễn Thị L phả hoàn trả số tiền của 10 tháng thuê đất là 20.000.000 đồng.**

**Anh Huỳnh Văn Hoàng E (Huỳnh Văn P) có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ việc đòi số tiền đã rút yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.**

**[3] Về án phí:**

Anh Huỳnh Văn Hoàng E (Huỳnh Văn P) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **1.045.000 đồng (một triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)** theo biên lai thu số 0004135 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Ông Nguyễn Phú T và bà Nguyễn Thị L phải cùng chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là **1.090.000 đồng (một triệu không trăm chín mươi ngàn đồng).**

Án xử công khai, ông Lý Bình Đẳng, ông Nguyễn Phú T và bà Nguyễn Thị L có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
***(đã ký)***

**Phạm Hải Duy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hải Duy**